

Bản án số:19/2018/HNGĐ -PT

Ngày: 31/7/2018

V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TN

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Dương Thị Liên.

- **Các thẩm phán:** Ông Nguyễn Văn Quế và ông Nguyễn Văn Năm.

- **Đại diện VKS tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Tuyết Vân - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TN.

- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Trần Thị Thanh Thúy - Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh TN .

Ngày 31 tháng 7 năm 2018, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh TN mở phiên tòa phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 13/TLPT-HNGĐ ngày 28/5/2018, do bản án HNGĐ sơ thẩm số 06/2018/HNGĐ-ST ngày 05/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh TN bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2018/QĐXX-DS ngày 02 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Chu Thị H, sinh năm 1973;

Trú tại: Xóm B2, xã PM, huyện PL, tỉnh TN.

(Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Anh Đinh Văn Đ, sinh năm 1975;

Trú tại: Xóm B2, xã PM, huyện PL, tỉnh TN.

(Có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm nguyên đơn chị Chu Thị H trình bày: Tôi kết hôn với anh Đinh Văn Đ năm 1998, có đăng ký kết hôn tại UBND xã CV, huyện ĐT, tỉnh TN và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Trước khi kết hôn có được tự nguyện tìm hiểu, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình nh chồng (Xã CV, huyện ĐT) được 03 tháng thì mua đất về bên ngoại ở

xóm B2, xã PM, huyện PL sinh sống đến nay. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc nhưng được khoảng 04 năm thì anh Đ lâm vào tệ nạn xã hội, cờ bạc rượu chè và mang tài sản của gia đình đi cầm cố lấy tiền tiêu xài. Mỗi khi uống rượu anh Đ còn đánh đập chửi bới tôi, hai bên gia đình nội ngoại có khuyên ngăn góp ý nhưng anh Đ vẫn không thay đổi, tôi phải đi làm ăn xa nH, vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 đến nay.

Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh Đ.

Quá trình chung sống, vợ chồng tôi có 02 con chung, con lớn tên Đinh Thị Thu Huệ, sinh năm 1999 cháu đã trưởng tHnh đi làm có thu nhập nên tôi không yêu cầu gì, con nhỏ tên Đinh Quang Hân sinh ngày 23/8/2000, khi ly hôn tôi đề nghị được nuôi cháu Hân không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tôi đề nghị Tòa án giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng gồm: NH xây hai tầng, nH bếp và công trình phụ, trại nuôi gà. Tổng giá trị tài sản khoảng 300.000.000 đồng. Khi ly hôn tôi yêu cầu được chia đôi khối tài sản chung. Nợ chung: Trong đơn khởi kiện chị H có kê khai các khoản nợ chung là số tiền vay của Ngân Hng nông nghiệp và phát triển nông thôn – Chi nhánh PL, khoản nợ với ông Nguyễn Văn Bính và đề nghị Tòa án giải quyết đối với số nợ chung. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án chị H rút yêu cầu khởi kiện đối với nợ chung để các bên tự thỏa thuận. Ngân Hng nông nghiệp và phát triển nông thôn – Chi nhánh PL đã có văn bản làm việc với chị H, anh Đ và có công văn số 38/NHNN-PL ngày 21/3/2018 gửi Tòa án với nội dung không khởi kiện đối với anh Đ, chị H, ông Nguyễn Văn Bính có đơn đề nghị ngày 21/3/2018 về việc rút yêu cầu trả nợ đối với anh Đ, chị H và từ chối tham gia tố tụng tại Tòa án.

Bị đơn là anh Đinh Văn Đ trình bày: Tôi và chị Chu Thị H kết hôn năm 1998, trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, từ năm 2012 chị H bỏ đi vợ chồng hay xảy ra xô xát cãi cọ vì làm trại gà thua lỗ, nay tôi xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn xin được đoàn tụ. Tôi không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung tên cháu là Đinh Thị Thu Huệ, sinh năm 1999, cháu đã trưởng tHnh, con nhỏ Đinh quang Hân, sinh ngày 23/8/2000, trường hợp ly hôn tôi yêu cầu nuôi cháu Hân không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: có 01 ngôi nH xây và 01 mảnh đất diện tích 1500m², trường hợp ly hôn tôi yêu cầu giải quyết theo yêu cầu của chị H. Tôi không khởi kiện yêu cầu chia tài sản.

Về nợ chung: vợ chồng có vay Ngân Hng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh PL 50.000.000 đồng. Khi ly hôn tôi đề nghị chị H phải có trách nhiệm trả nợ cùng tôi.

Với nội dung nêu trên Tại bản án số 06/2018/HNGĐ-ST ngày 05/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện PL đã xét xử và quyết định:

Áp dụng: Khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, điều 147, khoản 4 điều 165, khoản 3 điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự, các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Chu Thị H được ly hôn anh Đinh Văn Đ.
2. Về con chung: Giao cháu Đinh Quang Hân, sinh ngày 23/8/2000 cho anh Đinh Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị H do anh Đ không có yêu cầu. Chị H được quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung.
3. Về tài sản chung, nợ chung: Đình chỉ việc giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị Chu Thị H đối với anh Đinh Văn Đ do nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện, bị đơn không có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập.
4. Về án phí: Chị H phải nộp 200.000đ án phí LHST được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004085 ngày 07/5/2015 tại Chi cục Thi Hành án dân sự huyện PL.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/4/2018, bị đơn là anh Đ kháng cáo không nhất trí ly hôn vì con còn nhỏ đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết để giúp anh về đoàn tụ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Tại phiên tòa phúc thẩm anh Đ vẫn giữ nguyên nội dung đã kháng cáo.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và nghe lời trình bày của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TN, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về tố tụng: đơn kháng cáo của anh Đ làm trong hạn luật định, đã nộp dự phí kháng cáo là hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Xét kháng cáo của anh Đ, căn cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án và ý kiến của anh Đ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng: Anh Đ và chị H kết hôn với nhau năm 1998 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp,

hai vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do làm ăn thua lỗ, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi cọ, xô xát. Năm 2017, vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ đó đến nay. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh Đ đã đến mức trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, tại phiên tòa sơ thẩm chị H cũng xác định không còn tình cảm với anh Đ, nếu tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân thì sẽ không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên. Tại phiên tòa phúc thẩm anh Đ không có phương án để thuyết phục chị H cải thiện cuộc sống để vợ chồng quay về đoàn tụ mà vợ chồng vẫn sống ly thân. Do vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử cho chị H được ly hôn với anh Đ là có căn cứ, phù hợp thực tế và pháp luật nên kháng cáo của anh Đ không có căn cứ chấp nhận.

Đối với tài sản chung và nợ chung: Trong đơn khởi kiện, chị H có yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung và nợ chung của vợ chồng, tuy nhiên trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm chị H đã rút yêu cầu khởi kiện đối với tài sản chung và nợ chung. Anh Đ không có yêu cầu phản tố, không đề nghị Tòa án giải quyết tài sản chung và nợ chung, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Ngân Hng nông nghiệp và phát triển nông thôn – Chi nhánh PL đã có công văn số 38/NHNN-PL ngày 21/3/2018 gửi Tòa án với nội dung không khởi kiện đối với khoản nợ của anh Đ và chị H. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn Bính có đơn đề nghị ngày 21/3/2018 về việc rút yêu cầu trả nợ đối với anh Đ, chị H và từ chối tham gia tố tụng tại Tòa án. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết phần yêu cầu khởi kiện của chị H đối với việc chia tài sản chung và nợ chung là có căn cứ. Nếu anh Đ yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ chung, có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác. Các đương sự không kháng cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TN phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử được thực hiện đúng quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của anh Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 BLTTDS, Điều 51, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Không chấp nhận kháng cáo của anh Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 06/2018/HNGĐ-ST ngày 05/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh TN.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Chu Thị H được ly hôn anh Đinh Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Đình Quang Hân, sinh ngày 23/8/2000 cho anh Đình Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị H do anh Đ không có yêu cầu. Chị H được quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đình chỉ việc giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị Chu Thị H đối với anh Đình Văn Đ do nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện, bị đơn không có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập.

4. Về án phí: Chị H phải nộp 200.000đ án phí LHST được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004085 ngày 07/5/2015 tại Chi cục Thi Hành án dân sự huyện PL.

Án phí phúc thẩm: Anh Đ phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm, được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0018251 ngày 18/4/2018 tại Chi cục Thi Hành án huyện PL, tỉnh TN.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh TN;
- TAND huyện PL;
- THADS huyện PL;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, TDS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Liên